

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Đ - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2021/HS-ST
Ngày 27-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mã Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Đình Lập,

Bà Trương Thị Hiền.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Duy Phong, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:
Bà Hoàng Thị Nguyệt, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 175/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1161/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lục Nhất L**, sinh ngày 19 tháng 12 năm 1988 tại Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Phố H, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: kinh doanh cầm đồ; trình độ văn hoá: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lục Văn M, sinh năm 1959 và bà Vũ Thị H, sinh năm 1967; có vợ là Lương Thị B, sinh năm 1988 và 01 con; tiền án, tiền sự: không có; nhân thân: Ngày 29-10-2007, bị Tòa án nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản; ngày 12-10-2017, bị Công an thành phố C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. NLQ1, sinh năm 1988, nơi cư trú: Phố T, thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

2. NLQ2, nơi cư trú: Xóm B, xã H, huyện A, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

3. NLQ3, nơi cư trú: Xóm C, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

4. NLQ4, nơi cư trú: Xóm N, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
5. NLQ5, nơi cư trú: Xóm N, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
6. NLQ6, nơi cư trú: Xóm V, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
7. NLQ7, nơi cư trú: Xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
8. NLQ8, nơi cư trú: Xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
9. NLQ9, nơi cư trú: Xóm N, xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
10. NLQ10, nơi cư trú: Xóm B, xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
11. NLQ11, nơi cư trú: Xóm B, xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
12. NLQ12, nơi cư trú: xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
13. NLQ13, nơi cư trú: Xóm B, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
14. NLQ14, nơi cư trú: B, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
15. NLQ15, nơi cư trú: Xóm X, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
16. NLQ16, nơi cư trú: Xóm B, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
17. NLQ17, nơi cư trú: Xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
18. NLQ18, nơi cư trú: Xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
19. NLQ19, nơi cư trú: Xóm M, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
20. NLQ20, nơi cư trú: Xóm Đ, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
21. NLQ21, nơi cư trú: Xóm Đ, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
22. NLQ22, nơi cư trú: Xóm L, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
23. NLQ23, nơi cư trú: Xóm N, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
24. NLQ24, nơi cư trú: Xóm L, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
25. NLQ25, nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
26. NLQ26, nơi cư trú: Xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
27. NLQ27 nơi cư trú: Xóm K, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
28. NLQ28, nơi cư trú: Xóm A, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
29. NLQ29, nơi cư trú: Xóm N, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
30. NLQ30, nơi cư trú: Xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
31. NLQ31, nơi cư trú: Xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
32. NLQ32, nơi cư trú: Xóm N, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
33. NLQ33, nơi cư trú: Xóm N, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
34. NLQ34, nơi cư trú: Xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
35. NLQ35, nơi cư trú: xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

36. NLQ36, nơi cư trú: Xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
37. NLQ37, nơi cư trú: Xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
38. NLQ38, nơi cư trú: Xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
39. NLQ39, nơi cư trú: Xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
40. NLQ40, nơi cư trú: Xóm B, Xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
41. NLQ41, nơi cư trú: Xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
42. NLQ42, nơi cư trú: Xóm L, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
43. NLQ43, nơi cư trú: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
44. NLQ44, nơi cư trú: Xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
45. NLQ45, nơi cư trú: Xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
46. NLQ46, nơi cư trú: Xóm C, Xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
47. NLQ47, nơi cư trú: Xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
48. NLQ48, nơi cư trú: Xóm L, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
49. NLQ49, nơi cư trú: Xóm 1, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
50. NLQ50, nơi cư trú: Xóm 2, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
51. NLQ51, nơi cư trú: Xóm X, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
52. NLQ52, nơi cư trú: Xóm T, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng; có mặt.
53. NLQ53, nơi cư trú: Xóm T, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
54. NLQ54, nơi cư trú: Xóm 1, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
55. NLQ55, nơi cư trú: Xóm 1, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
56. NLQ56, nơi cư trú: Xóm 1, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
57. NLQ57, nơi cư trú: Xóm 1, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
58. NLQ58, nơi cư trú: Xóm N, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
59. NLQ59, nơi cư trú: Xóm K, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
60. NLQ60, nơi cư trú: Xóm Q, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
61. NLQ61, nơi cư trú: Xóm K, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
62. NLQ62, nơi cư trú: Xóm K, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
63. NLQ63, nơi cư trú: Xóm K, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
64. NLQ64, nơi cư trú: Xóm Đ, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
65. NLQ65, nơi cư trú: Xóm D, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
66. NLQ66, nơi cư trú: Xóm N, xã Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
67. NLQ67, nơi cư trú: Xóm T, xã Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

68. NLQ68, nơi cư trú: Xóm B, xã Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
69. NLQ69, nơi cư trú: xã Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
70. NLQ70, nơi cư trú: Xóm 2, xã Q, Huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
71. NLQ71, nơi cư trú: Xóm N, xã Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
72. NLQ72, nơi cư trú: Xóm X, xã Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
73. NLQ73, nơi cư trú: Phố C, thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
74. NLQ74, nơi cư trú: Phố H, thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
75. NLQ75, nơi cư trú: Xóm Đ, thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng; có mặt.
76. NLQ76, nơi cư trú: Phố H, thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
77. NLQ77, nơi cư trú: Xóm L, thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng; có mặt.
78. NLQ78, nơi cư trú: Phố Đ, thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
79. NLQ79, nơi cư trú: thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
80. NLQ80, nơi cư trú: thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
81. NLQ81, nơi cư trú: thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
82. NLQ82, nơi cư trú: Phố C, thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
83. NLQ83, nơi cư trú: Phố M, thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
84. NLQ84, nơi cư trú: Phố M, thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
85. NLQ85, nơi cư trú: Xóm V, thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
86. NLQ86, nơi cư trú: Phố H, thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
87. NLQ87, nơi cư trú: Phố M, thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
88. NLQ88, nơi cư trú: Phố Đ, thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
89. NLQ89, nơi cư trú: Xóm L, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; có mặt.
90. NLQ90, nơi cư trú: xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
91. NLQ91, nơi cư trú: xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
92. NLQ92, nơi cư trú: Xóm L, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
93. NLQ93, nơi cư trú: Xóm L, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
94. NLQ94, nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
95. NLQ95, nơi cư trú: Xóm L, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
96. NLQ96, nơi cư trú: Xóm L, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
97. NLQ97, nơi cư trú: Xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
98. NLQ98, nơi cư trú: phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
99. NLQ99, nơi cư trú: Xóm V, xã T, huyện A, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

100. NLQ100, nơi cư trú: Xóm T, xã V, huyện K, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
101. NLQ101, nơi cư trú: Xóm B, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
102. NLQ102, nơi cư trú: Xóm P, xã N, huyện K, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
103. NLQ103, nơi cư trú: Tổ 3, thị trấn T, huyện K, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
104. NLQ104, nơi cư trú: Xóm Q, xã P, huyện K, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11 tháng 8 năm 2021, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Cao Bằng tiến hành kiểm tra cơ sở kinh doanh hiệu “Cầm đồ N” tại phố H, thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng do Lục Nhất L làm chủ cơ sở. Qua kiểm tra phát hiện L cho khách cầm cố tài sản vay tiền với mức lãi suất vượt quá quy định nên đã tạm giữ một số tài liệu có liên quan đến việc cho vay lãi nặng gồm:

- + 01 (một) quyển sổ theo dõi cầm đồ năm 2017-2018;
- + 06 (sáu) quyển hợp đồng cầm đồ.
- + 01 (một) giấy ủy quyền.
- + 02 (hai) hợp đồng mua bán xe.
- + 02 (hai) hợp đồng cầm đồ.
- + 01 (một) bản phô tô đăng ký xe.
- + 02 (hai) mẫu hợp đồng mua bán xe máy chưa điền thông tin.

Quá trình điều tra đã xác định được như sau: Từ đầu năm 2018 đến ngày 11-8-2021, Lục Nhất L thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng, số tiền cho vay từ 300.000 đồng đến 30.000.000 đồng, với mức lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/ngày (tương đương với mức 109,5%/năm, chênh lệch vượt mức lãi suất theo quy định là 5,475 lần). Mỗi khi có khách cầm đồ vay tiền, Lục Nhất L tự định giá tài sản khách dùng để cầm cố, thỏa thuận số tiền vay, mức lãi suất và viết hợp đồng cầm cố rồi ghi vào sổ và yêu cầu khách ký nhận, những lúc L bận việc hoặc không có mặt tại cửa hàng thì cho vợ là NLQ51 viết hộ hợp đồng cầm đồ và nhận tài sản cầm cố của khách cùng như nhận số tiền gốc và số tiền lãi với khách. Việc cho vay và thu tiền người vay được thực hiện bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng. Các lần cho vay đều được vợ chồng L ghi chép lại vào các quyển sổ để tiện theo dõi. Từ ngày 01-01-2018 đến ngày 11-8-2021, L đã cho khách cầm cố tài sản để vay tiền nhiều lượt với tổng số tiền 964.900.000 đồng,

tiền lãi thu được 66.085.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 54.028.000 đồng, cụ thể những người vay tiền như sau:

1. NLQ33, trú tại xóm Xóm N, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng:

+ Ngày 01-01-2018, vay số tiền 5.000.000 đồng. Ngày 31-01-2018, NLQ33 trả tiền gốc và 450.000 tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 368.000 đồng.

+ Ngày 09-6-2018, vay 2.000.000 đồng, đến ngày 09-7-2018 NLQ33 trả tiền gốc và 180.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 147.000 đồng.

+ Ngày 22-9-2018, vay 1.000.000 đồng, 20 ngày sau (12/10/2018) NLQ33 trả tiền gốc và 60.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính 49.000 đồng.

+ Ngày 09-4-2019, vay 1.000.000 đồng, đến ngày 14-4-2019 NLQ33 trả tiền gốc và 15.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính 12.000 đồng.

+ Ngày 14-7-2020, vay 2.000.000 đồng, 30 ngày sau đó NLQ33 trả tiền gốc và 180.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính 147.000 đồng.

2. NLQ16, trú tại xóm B, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

+ Ngày 15-01-2018 vay 8.000.000 đồng, đến ngày 14-02-2018 NLQ16 trả số tiền gốc và 240.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 196.000 đồng.

+ Ngày 04-3-2018 vay số tiền 6.000.000 đồng, đến ngày 19-3-2018 NLQ16 trả số tiền gốc và 270.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính 220.000 đồng.

3. NLQ51, trú tại xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 01-02-2018 vay số tiền 12.000.000 đồng, đến ngày 01-3-2018 NLQ51 trả tiền gốc và 1.080.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính 823.000 đồng.

4. NLQ64, trú tại Xóm Đ, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 07-02-2018 vay số tiền 6.000.000 đồng, đến ngày 07-3-2018 trả tiền gốc và 504.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính 411.000 đồng.

5. NLQ73, trú tại Phố C, thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 23-02-2018 sử dụng xe mô tô hiệu Jupiter để cầm cố vay số tiền 2.500.000 đồng, đến ngày 23-3-2018 NLQ73 trả tiền gốc và 210.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính 171.000 đồng.

6. NLQ59, trú tại Xóm K, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng:

+ Ngày 09-3-2018 cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 11B1-212.xx vay số tiền 9.000.000 đồng, đến ngày 14-3-2018 NLQ59 trả số tiền gốc và 135.000 tiền lãi, L thu lợi bất chính 110.000 đồng.

+ Ngày 27-3-2018 vay số tiền 5.000.000 đồng, đến ngày 26-4-2018 NLQ59 trả tiền gốc và 450.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính 367.000 đồng.

7. NLQ86, trú tại thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng:

+ Ngày 08-3-2018 vay số tiền 5.000.000 đồng, đến ngày 07-4-2018 NLQ86 trả được tiền gốc và 450.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 367.000 đồng.

+ Ngày 06-02-2018 vay số tiền 4.000.000 đồng, đến ngày 06-3-2018 NLQ86 trả tiền gốc và 336.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 274.000 đồng.

+ Ngày 10-6-2018 vay 4.000.000 đồng, đến ngày 10-7-2018 NLQ86 trả hết số tiền gốc và 360.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 294.000 đồng.

+ Ngày 03-8-2018 vay số tiền 4.000.000 đồng, đến ngày 03-9-2018 NLQ86 trả tiền gốc và 360.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 294.000 đồng.

+ Ngày 06-9-2018 vay 4.000.000 đồng, đến ngày 06-10-2018 NLQ86 trả tiền gốc và 360.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 294.000 đồng.

8. NLQ15, trú tại xóm X B, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 19-3-2018 cầm cố xe mô tô biển kiểm soát vay số tiền 5.000.000 đồng, đến ngày 29-3-2018 NLQ15 trả tiền gốc và 150.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính 122.000 đồng.

9. NLQ65, trú tại Xóm D, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 22-3-2018 cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 11U1-012.xx vay 1.000.000 đồng, đến ngày 06-4-2018 NLQ65 trả tiền gốc và 45.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 36.000 đồng.

10. NLQ84, trú tại Phố M, thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 27-3-2018 vay số tiền 4.000.000 đồng, đến ngày 10-6-2018 NLQ84 trả tiền gốc và 900.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 736.000 đồng.

11. NLQ71, trú tại xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 08-4-2018 vay số tiền 10.000.000 đồng, đến ngày 23-4-2018 NLQ71 trả tiền gốc và 450.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 367.000 đồng.

12. NLQ78, trú tại Phố Đ, thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 25-4-2018 vay số tiền 4.000.000 đồng, đến ngày 15-5-2018 NLQ78 trả số tiền gốc và 240.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 196.000 đồng.

13. NLQ75, trú tại Đ, thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 03-5-2018 vay số tiền 5.000.000 đồng, đến ngày 18-5-2018 NLQ75 trả số tiền gốc và 225.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 183.000 đồng.

14. NLQ19, trú tại xóm M, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 30-4-2018 vay số tiền 6.000.000 đồng, đến ngày 20-5-2018 NLQ19 trả số tiền gốc và 270.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 220.000 đồng.

15. NLQ9, trú tại xóm NS, xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 07-5-2018 vay số tiền 5.000.000 đồng, đến ngày 07-6-2018 NLQ9 trả số tiền gốc và 450.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 367.000 đồng.

16. NLQ104, trú tại xóm Q, xã T, huyện K, tỉnh Cao Bằng:

+ Ngày 29-6-2018 vay số tiền 6.000.000 đồng, đến ngày 18-7-2018 NLQ104 trả số tiền gốc và 342.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 279.000 đồng.

+ Ngày 29-7-2018 vay số tiền 6.000.000 đồng, đến ngày 28-7-2018 NLQ104 trả tiền gốc và 540.000 tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 441.000 đồng.

+ Ngày 19-9-2018 vay số tiền 6.100.000 đồng, đến ngày 19-9-2018 NLQ104 trả số tiền gốc và 549.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 448.000 đồng.

+ Ngày 20-12-2018 vay số tiền 6.000.000 đồng, đến ngày 12-01-2019 NLQ104 trả số tiền gốc và 360.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 294.000 đồng.

17. NLQ60, trú tại xóm L-Q, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 12-7-2018 vay số tiền 5.000.000 đồng, đến ngày 14-7-2018 NLQ60 trả số tiền gốc và 30.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 24.000 đồng.

18. NLQ96, trú tại Xóm L, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng:

+ Ngày 19-7-2018 vay số tiền 4.000.000 đồng, đến ngày 09-8-2018 NLQ96 trả số tiền gốc và 240.000 tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 196.000 đồng.

+ Ngày 07-3-2020 cầm cố xe mô tô Honda Future biển kiểm soát 11U1-14xx vay số tiền 7.000.000 đồng, đến ngày 06-4-2020 NLQ96 trả tiền gốc và 630.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 514.000 đồng.

19. NLQ66, trú tại N, xã Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 21-7-2018 vay số tiền 1.000.000 đồng, đến ngày 11-8-2018 NLQ66 trả số tiền gốc và 60.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính 49.000 đồng.

20. NLQ76, trú tại phố H, thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng:

+ Ngày 27-7-2018 vay số tiền 10.000.000 đồng, đến ngày 27-8-2018 NLQ76 trả số tiền gốc và 900.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 735.000 đồng.

+ Ngày 28-11-2018 vay số tiền 10.000.000 đồng, đến ngày 28-12-2018 NLQ76 trả số tiền gốc và 900.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 735.000 đồng.

21. NLQ57, trú tại xóm X 1, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 29-7-2018 vay số tiền 5.000.000 đồng, đến ngày 03-8-2018 NLQ57 trả số tiền gốc và 75.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 61.000 đồng

22. NLQ62, trú tại Xóm K, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 31-7-2018 vay số tiền 3.000.000 đồng, đến ngày 31-8-2021 NLQ62 trả số tiền gốc và 270.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 220.000 đồng.

23. NLQ63, trú tại Xóm K, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 08-9-2018 vay số tiền 1.000.000 đồng, đến ngày 17-9-2018 NLQ63 trả số tiền gốc và 30.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 24.000 đồng.

24. NLQ28, trú tại A, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 10-10-2018 vay số tiền 15.000.000 đồng, đến ngày 25-10-2018 NLQ28 trả tiền gốc và 675.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 551.000 đồng.

25. NLQ82, trú tại Phố C, thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 28-10-2018 vay số tiền 5.000.000 đồng, đến ngày 28-11-2018 NLQ82 trả tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 245.000 đồng.

26. NLQ61, trú tại Xóm K, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 12-11-2018 vay số tiền 12.000.000 đồng, ngày 27-11-2018 NLQ61 trả số tiền gốc và 540.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 441.000 đồng.

27. NLQ93, trú tại Xóm L, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 05-12-2018 vay số tiền 8.000.000 đồng, đến ngày 12-12-2018 NLQ93 trả số tiền gốc và 168.000 tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 137.000 đồng.

28. NLQ88, trú tại phố Đ, thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 07-01-2019 vay số tiền 15.000.000 đồng, đến ngày 08-01-2019 NLQ88 trả tiền gốc và 200.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính 183.000 đồng.

29. NLQ11, trú tại B, xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 22-3-2019 vay số tiền 26.000.000 đồng, đến ngày 21-4-2019 NLQ11 trả số tiền gốc và 2.340.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính 1.912.000 đồng.

30. NLQ48, trú tại L, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng:

+ Ngày 18-4-2019 vay số tiền 7.000.000 đồng, đến ngày 18-5-2019 NLQ48 trả tiền gốc và 630.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính 514.000 đồng.

+ Ngày 18-5-2019, vay số tiền 9.000.000 đồng, đến ngày 17-6-2019 NLQ48 trả số tiền gốc và 810.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính 662.000 đồng.

31. NLQ4, trú tại N, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 18-7-2019 vay số tiền 6.000.000 đồng, đến ngày 23-7-2019 NLQ4 trả tiền gốc và 90.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính 73.000 đồng.

32. NLQ21, trú tại Đ, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 27-9-2019 vay số tiền 500.000 đồng, đến ngày 28-8-2019 NLQ21 trả số tiền gốc và 45.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính 36.000 đồng.

33. NLQ55, trú tại xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng:

+ Ngày 03-10-2019 vay số tiền 1.500.000 đồng, đến ngày 10-10-2019 NLQ55 trả tiền gốc và 31.500 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 25.700 đồng.

+ Ngày 01-11-2019 vay số tiền 1.500.000 đồng, đến ngày 06-11-2019 NLQ55 trả tiền gốc và 22.500 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 184.000 đồng.

34. NLQ32, trú tại Xóm N, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 15-9-2019 vay số tiền 8.000.000 đồng, đến ngày 14-11-2019 NLQ32 trả tiền gốc và 720.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính 588.000 đồng.

35. NLQ101, trú tại xóm C, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng:

+ Ngày 20-8-2019 vay số tiền 9.000.000 đồng, đến ngày 19-9-2019 NLQ101 trả số tiền gốc và 810.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 662.000 đồng.

+ Ngày 20-10-2019 vay số tiền 8.000.000 đồng, đến ngày 09-11-2019 NLQ101 trả số tiền gốc và 480.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 392.000 đồng.

36. NLQ58, trú tại N, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 25-10-2019 vay số tiền 7.000.000 đồng, đến ngày 04-11-2019 NLQ58 trả số tiền gốc và 210.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 171.000 đồng.

37. NLQ40, trú tại B, Xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng:

+ Ngày 10-11-2019 vay số tiền 20.000.000 đồng, đến ngày 17-11-2109 NLQ40 trả số tiền gốc và 420.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 343.000 đồng.

+ Ngày 17-6-2020 cầm cố xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 11U1-054.xx vay số tiền 8.000.000 đồng, đến ngày 02-7-2020 NLQ40 trả số tiền gốc và 360.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 294.000 đồng.

38. NLQ69, trú tại thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 21-11-2019 vay số tiền 10.000.000 đồng, đến ngày 01-12-2019 NLQ69 trả số tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 245.000 đồng.

39. NLQ30, trú tại xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 15-3-2020 vay số tiền 8.000.000 đồng, đến ngày 22-3-2020 NLQ30 trả số tiền gốc và 168.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 137.000 đồng.

40. NLQ52, trú tại xóm T, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng:

+ Ngày 18-3-2020 cầm cố xe mô tô Honda Wave biển kiểm soát 11U1-098.xx vay số tiền 6.000.000 đồng, đến ngày 28-3-2020 NLQ52 trả số tiền gốc và 180.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 147.000 đồng.

+ Ngày 30-3-2020 vay số tiền 10.000.000 đồng, đến ngày 19-4-2020 NLQ52 trả số tiền gốc và 600.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 490.000 đồng.

41. NLQ89, trú tại L, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 30-3-2020 cầm cố xe mô tô Honda Wave biển kiểm soát 11U1-093.xx vay 8.000.000 đồng, đến ngày 30-4-2020 NLQ89 trả số tiền gốc và 720.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 588.000 đồng.

42. NLQ, trú tại xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 31-3-2020 cầm cố xe mô tô cầm cố xe mô tô Yamaha Exciter vay số tiền 15.000.000 đồng, đến ngày 02-4-2020 NLQ trả số tiền gốc và 1.350.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 1.103.000 đồng.

43. NLQ5, trú tại xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng:

+ Ngày 16-3-2020 cầm cố xe mô tô Honda Wave RS vay 6.000.000 đồng, đến ngày 16-4-2020 NLQ5 trả số tiền gốc và 540.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 441.000 đồng.

+ Ngày 02-6-2020 cầm cố xe mô tô Honda Wave biển kiểm soát 11P1-00xx vay số tiền 6.000.000 đồng, đến ngày 02-7-2020 NLQ5 trả số tiền gốc và 540.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 441.000 đồng.

+ Ngày 11-7-2020 vay số tiền 5.000.000 đồng, đến ngày 10-8-2020 NLQ5 trả số tiền gốc và 450.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 368.000 đồng.

44. NLQ, trú tại X, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 02-6-2020 cầm cố xe mô tô Honda biển kiểm soát 11U1-137.xx vay số tiền 10.000.000 đồng, sau 25 ngày NLQ trả số tiền gốc và 750.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 613.000 đồng.

45. NLQ98, trú tại tổ 3, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng: Ngày 04-6-2020 cầm cố xe mô tô Honda Wave biển kiểm soát 11B1-208.xx vay số tiền 6.000.000 đồng, đến ngày 04-7-2020 NLQ98 trả số tiền gốc và 540.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 441.000 đồng.

46. NLQ102, trú tại xóm P, xã N, huyện K, tỉnh Cao Bằng: Ngày 14-6-2020 cầm cố xe mô tô Honda Sh Mode biển kiểm soát 11K1-086.xx vay số tiền 20.000.000 đồng, sau 01 tháng NLQ102 trả đủ số tiền gốc và 1.800.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 1.471.000 đồng.

47. NLQ53, trú tại T 2, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 22-6-2020 cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 11U1-244.20 vay số tiền 1.000.000 đồng, đến ngày 22-7-2020 NLQ53 trả số tiền gốc và 90.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 73.000 đồng.

48. NLQ35, trú tại xóm C, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 28-6-2020 cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 11B1-205.xx vay số tiền 2.000.000 đồng, 15 ngày sau NLQ35 trả số tiền gốc và 90.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 73.000 đồng.

49. NLQ38, trú tại Xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 01-7-2020 cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 11U1-138.04 vay số tiền 12.000.000 đồng, sau 30 ngày NLQ38 trả số tiền gốc và 1.080.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 882.000 đồng.

50. NLQ27 trú tại K, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 03-7-2020 cầm cố xe mô tô Jupiter biển kiểm soát 11U1-074.86 vay số tiền 6.000.000 đồng, đến ngày 02-8-2020 NLQ27 trả số tiền gốc và 540.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 441.000 đồng.

51. NLQ49, trú tại X 1, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 09-7-2020 cầm cố xe mô tô Wave RSX biển kiểm soát 11B1-104.70 vay số tiền 6.000.000 đồng, sau 01 tháng NLQ49 trả số tiền gốc và 540.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 441.000 đồng.

52. NLQ72, trú tại X, xã Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 09-7-2020 cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 11B1-431.xx vay số tiền 3.500.000 đồng, 29 ngày sau NLQ72 trả số tiền gốc và 304.500 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 249.000 đồng.

53. NLQ79, trú tại xã Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 07-7-2020 cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 11U1-140.xx vay số tiền 2.000.000 đồng, sau 30 ngày NLQ79 trả số tiền gốc và 180.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 147.000 đồng.

54. NLQ10, trú tại BX, xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 13-7-2020 cầm cố xe mô tô Yamaha NOUVO biển kiểm soát 11P1-019.xx vay số tiền 5.000.000 đồng, sau 01 tháng NLQ10 trả số tiền gốc và 450.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 367.000 đồng.

55. NLQ36, trú tại Xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 16-7-2020 cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 11U1-056.xx vay số tiền 2.000.000 đồng, đến ngày 15-8-2020 NLQ36 trả số tiền gốc và 630.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 514.000 đồng.

56. NLQ77, trú tại xóm L, thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 10-4-2020 cầm cố xe mô tô Exciter biển kiểm soát 11U1-164.xx vay số tiền 3.000.000 đồng, sau 01 tháng NLQ77 trả số tiền gốc và 270.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 220.000 đồng.

57. NLQ95, trú tại xóm LT, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 17-8-2020 cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 11B1-340.xx vay 5.000.000 đồng, sau 30 ngày NLQ95 trả số tiền gốc và 450.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 367.000 đồng.

58. NLQ42, trú tại LP, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 19-8-2020 cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 11U1-112.xx vay 26.000.000 đồng, sau 01 tháng NLQ42 trả số tiền gốc và 2.340.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 1.912.000 đồng.

59. NLQ80, trú tại B, thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 24-8-2020 cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 1U1-060.xx vay số tiền 4.000.000 đồng, sau 01 tháng NLQ80 trả số tiền gốc và 360.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 294.000 đồng.

60. NLQ46, trú tại xóm B, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 29-8-2020 cầm cố xe mô tô vay 4.000.000 đồng, đến ngày 08-9-2020 NLQ46 trả số tiền gốc và 120.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 98.000 đồng.

61. NLQ92, trú tại Lạn Dưới, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng:

+ Ngày 13-9-2020 cầm cố xe mô tô Honda Winner X biển kiểm soát 11B1-453.xx vay 15.000.000 đồng, sau 02 ngày NLQ92 trả số tiền gốc và 90.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 73.000 đồng.

+ Ngày 15-9-2020 NLQ92 tiếp tục cầm cố chiếc xe mô tô trên vay số tiền 25.000.000 đồng, sau 01 tháng NLQ92 trả số tiền gốc và 2.250.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 1.839.000 đồng.

62. NLQ18, trú tại xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng:

+ Ngày 06-8-2020 vay 6.000.000 đồng, sau 15 ngày NLQ18 trả số tiền gốc và 270.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 220.000 đồng.

+ Ngày 26-8-2020 vay số tiền 3.000.000 đồng, sau 01 tháng NLQ18 trả số tiền gốc và 270.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 220.000 đồng.

63. NLQ94, trú tại H, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 13-7-2020 vay số tiền 10.000.000 đồng, sau 30 ngày NLQ94 trả số tiền gốc và 900.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 735.000 đồng.

64. NLQ2, trú tại xóm B, xã H, huyện A, tỉnh Cao Bằng: Ngày 10-4-2020 vay số tiền 9.000.000 đồng, đến ngày 10-5-2020 NLQ trả số tiền gốc và 810.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 662.000 đồng.

65. NLQ3, trú tại C, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 19-9-2019 vay số tiền 5.000.000 đồng, đến ngày 19-10-2019 NLQ3 trả số tiền gốc và 450.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 368.000 đồng.

66. NLQ6, trú tại B, xã V, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 27-02-2018 vay số tiền 8.000.000 đồng, đến ngày 27-3-2018 NLQ6 trả số tiền gốc và 672.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 549.000 đồng.

67. NLQ7, trú tại xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 16-7-2019 vay số tiền 10.000.000 đồng, 30 ngày sau NLQ7 trả số tiền gốc và 900.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 735.000 đồng.

68. NLQ8, trú tại xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 12-4-2018 vay số tiền 2.000.000 đồng, 15 ngày sau NLQ8 trả số tiền gốc và 90.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 73.000 đồng.

69. NLQ12, trú tại xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 13-12-2019 vay số tiền 5.000.000 đồng, 05 ngày sau NLQ12 trả số tiền gốc và 75.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 61.000 đồng.

70. NLQ13, trú tại B, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng:

+ Ngày 12-10-2018 vay số tiền 5.000.000 đồng, 30 ngày sau NLQ13 trả số tiền gốc và 450.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 368.000 đồng.

+ Ngày 28-11-2018 vay số tiền 7.500.000 đồng, 30 ngày sau NLQ13 trả số tiền gốc và 675.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 552.000 đồng.

+ Ngày 19-6-2019 vay số tiền 8.000.000 đồng, 30 ngày sau NLQ13 trả số tiền gốc và 720.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 588.000 đồng.

+ Ngày 25-9-2019 vay số tiền 4.000.000 đồng, đến ngày 25-10-2019 NLQ13 trả số tiền gốc và 360.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 294.000 đồng.

72. NLQ14, trú tại xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 11-7-2019 số tiền 8.000.000 đồng, 30 ngày sau NLQ14 trả số tiền gốc và 720.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 588.000 đồng.

72. NLQ17, trú tại xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 31-5-2018 vay số tiền 3.000.000 đồng, ngày 20-6-22018 NLQ17 trả số tiền gốc và 180.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 147.000 đồng.

73. NLQ20, trú tại Đ, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 17-6-2018 vay số tiền 15.000.000 đồng, 30 ngày sau NLQ20 trả số tiền gốc và 1.350.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 1.103.000 đồng.

74. NLQ22, trú tại LN, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 22-4-2018 vay số tiền 4.000.000 đồng, đến ngày 22-5-2018 NLQ22 trả số tiền gốc và 360.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 294.000 đồng.

75. NLQ23, trú tại NR, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 05-5-2019 vay số tiền 8.500.000 đồng, 10 ngày sau NLQ23 trả số tiền gốc và 255.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 208.000 đồng.

76. NLQ24, trú tại LN, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 19-4-2019 vay số tiền 1.000.000 đồng, 30 ngày sau NLQ24 trả số tiền gốc và 90.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 73.000 đồng.

77. NLQ25, trú tại TK, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng:

+ Ngày 22-3-2018 vay số tiền 6.000.000 đồng, ngày 17-4-2018 NLQ25 trả số tiền gốc và 288.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 235.000 đồng.

+ Ngày 24-11-2018 vay số tiền 7.000.000 đồng, 30 ngày sau NLQ25 trả số tiền gốc và 630.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 515.000 đồng.

78. NLQ26, trú tại xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 12-01-2019 vay số tiền 10.000.000 đồng, đến ngày 22-01-2019 NLQ26 trả số tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 245.000 đồng.

79. NLQ29, trú tại NC, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 16-4-2019 vay số tiền 4.000.000 đồng, đến ngày 26-4-2019 NLQ29 trả số tiền gốc và 120.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 98.000 đồng.

80. NLQ31, trú tại xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 24-3-2018 vay số tiền 7.500.000 đồng, 30 ngày sau NLQ31 trả số tiền gốc và 675.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 551.000 đồng.

81. NLQ34, trú tại xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 17-4-2020 vay 8.000.000 đồng, đến ngày 17-5-2020 NLQ34 trả số tiền gốc và 720.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 588.000 đồng.

82. NLQ37, trú tại Xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 07-01-2018 vay 2.500.000 đồng, đến ngày 06-02-2018 NLQ37 trả số tiền gốc và 225.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 183.000 đồng.

83. NLQ39, trú tại Xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 21-3-2019 vay 7.000.000 đồng, 30 ngày sau NLQ39 trả số tiền gốc và 630.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 515.000 đồng.

84. NLQ41, trú tại xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 07-7-2018 vay số tiền 10.000.000 đồng, Ngày 06-8-2018 NLQ41 trả số tiền gốc và 900.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 735.000 đồng.

85. NLQ43, trú tại TL, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 18-9-2018 vay số tiền 9.000.000 đồng, đến ngày 18-10-2018 NLQ43 trả số tiền gốc và 810.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 662.000 đồng.

86. NLQ45, trú tại xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 09-5-2019 vay số tiền 4.000.000 đồng, 30 ngày sau NLQ45 trả số tiền gốc và 360.000 tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 294.000 đồng.

87. NLQ47, trú tại xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 15-5-2019 vay số tiền 8.000.000 đồng, đến ngày 14-6-2019 NLQ47 trả số tiền gốc và 720.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 589.000 đồng.

88. NLQ50, trú tại X 2, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 11-5-2018 vay số tiền 5.000.000 đồng, 30 ngày sau NLQ50 trả số tiền gốc và 450.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 368.000 đồng.

89. NLQ54, trú tại X 1, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 31-10-2018 vay số tiền 300.000 đồng, đến ngày 10-11-2018 NLQ54 trả số tiền gốc và 9.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 7.000 đồng.

90. NLQ56, trú tại X 1, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 12-01-2018 vay số tiền 20.000.000 đồng, đến ngày 11-02-2018 NLQ56 trả tiền gốc và 1.800.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 1.471.000 đồng.

91. NLQ67, trú tại TT, xã Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 07-9-2020 vay số tiền 2.500.000 đồng, đến ngày 07-10-2020 NLQ67 trả tiền gốc và 225.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 183.000 đồng.

92. NLQ68, trú tại B, xã Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng:

+ Ngày 15-8-2018 vay số tiền 1.500.000 đồng, đến ngày 25-8-2018 NLQ68 trả tiền gốc và 45.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 36.000 đồng.

+ Ngày 06-9-2018 vay số tiền 1.000.000 đồng, đến ngày 21-9-2018 NLQ68 trả số tiền gốc và 45.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 36.000 đồng.

93. NLQ70, trú tại Đ 2, xã Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng:

+ Ngày 15-3-2018 vay số tiền 5.000.000 đồng, đến ngày 14-4-2018 NLQ70 trả số tiền gốc và 450.000 tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 367.000 đồng.

+ Ngày 27-9-2018 vay số tiền 5.000.000 đồng, đến ngày 12-10-2018 NLQ70 trả số tiền gốc và 450.000 đồng tiền lãi, L thu lợi số tiền bất chính 184.000 đồng.

94. NLQ74, trú tại Phố H, thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 01-3-2020 vay số tiền 5.000.000 đồng, đến ngày 16-3-2020 NLQ74 trả số tiền gốc và 225.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 184.000 đồng.

95. NLQ81, trú tại thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 18-8-2018 vay số tiền 500.000 đồng, đến ngày 07-9-2018 NLQ81 trả số tiền gốc và 30.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 24.000 đồng.

96. NLQ83, trú tại Phố M, thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 19-6-2019 vay số tiền 23.000.000 đồng, đến ngày 19-7-2019 NLQ83 trả số tiền gốc và 2.070.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 1.692.000 đồng.

97. NLQ85, trú tại V, xã Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 23-3-2019 vay số tiền 8.000.000 đồng, đến ngày 10-4-2019 NLQ85 trả số tiền gốc và 432.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 353.000 đồng.

98. NLQ87, trú tại Phố M, thị trấn U, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 13-3-2018 vay số tiền 15.000.000 đồng, đến ngày 22-4-2018 NLQ87 trả số tiền gốc và 1.350.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 1.103.000 đồng.

99. NLQ90, trú tại xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng:

+ Ngày 19-02-2019 vay số tiền 2.500.000 đồng, đến ngày 19-3-2018 NLQ90 trả số tiền gốc và 210.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 171.000 đồng.

+ Ngày 21-02-2018 vay số tiền 3.000.000 đồng, đến ngày 21-3-2018 NLQ90 trả số tiền gốc và 252.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 206.000 đồng.

100. NLQ91, trú tại TT, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng: Ngày 12-02-2019 vay số tiền 6.000.000 đồng, đến ngày 17-02-2019 NLQ91 trả số tiền gốc và 90.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 73.000 đồng.

101. NLQ97, trú tại xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng:

+ Ngày 30-11-2018 vay số tiền 9.000.000 đồng, đến ngày 20-12-2019 NLQ97 trả số tiền gốc và 540.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 441.000 đồng.

+ Ngày 26-4-2019 vay số tiền 4.000.000 đồng, đến ngày 10-5-2019 NLQ97 trả tiền gốc và 168.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 137.000 đồng.

+ Ngày 26-7-2019 vay số tiền 6.000.000 đồng, đến ngày 05-8-2019 NLQ97 trả số tiền gốc và 180.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 147.000 đồng.

+ Ngày 24-11-2019 vay số tiền 7.000.000 đồng, đến ngày 04-12-2019 NLQ97 trả số tiền gốc và 210.000 đồng tiền lãi, L thu lợi số tiền bất chính 171.000 đồng.

102. NLQ99, trú tại xóm V, xã T, huyện A, tỉnh Cao Bằng: Ngày 30-12-2018 vay số tiền 7.000.000 đồng, đến ngày 14-11-2018 NLQ99 trả tiền gốc và 315.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 257.000 đồng.

103. NLQ100, trú tại TL, xã Chí Viễn, huyện K, tỉnh Cao Bằng: Ngày 02-3-2018 vay số tiền 6.000.000 đồng, đến ngày 22-3-2018 NLQ100 trả số tiền gốc và 360.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 294.000 đồng.

104. NLQ103, trú tại tổ 3, thị trấn T, huyện K, tỉnh Cao Bằng: Ngày 19-4-2018 vay số tiền 30.000.000 đồng, đến ngày 29-4-2019 NLQ103 trả số tiền gốc và 900.000 đồng tiền lãi, L thu lợi bất chính số tiền 735.000 đồng.

Tại phiên toà, bị cáo Lục Nhất L đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Ngày 29-11-2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ra Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số: 03/QĐ-VKSCB.P2 truy tố Lục Nhất L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lục Nhất L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Lục Nhất L về tội danh, điều luật đã viện dẫn nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Lục Nhất L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lục Nhất L từ 12 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo L từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 519; 580 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, buộc bị cáo Lục Nhất L phải nộp số tiền 975.045.000 đồng là công cụ, phương tiện phạm tội vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Lục Nhất L trả cho NLQ42 số tiền 1.912.000 đồng là khoản tiền lãi vượt quá 20%/năm mà bị cáo đã thu đối với ông Thắng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước chiếc điện thoại Iphone Xs Max của bị cáo là phương tiện phạm tội.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lục Nhất L không có lời bào chữa, không có ý kiến tranh luận; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo Lục Nhất L và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo Lục Nhất L hoàn toàn phù hợp với các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo về quá trình thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là những người đã vay tiền với L và nội dung ghi chép trong quyển sổ màu đen, sổ theo dõi cầm đồ mà cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét chỗ ở của L cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có

trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Từ năm 2018 đến ngày 11-8-2021, Lục Nhất L thực hiện hành vi cho 104 lượt người vay tiền với vay lãi suất vượt quá quy định, số tiền cho vay mỗi lần từ 300.000 đồng đến 30.000.000 đồng, với lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/ngày (tương đương mức 109,5%/năm, chênh lệch vượt mức lãi suất theo quy định là 5,475 lần). Tổng số tiền dùng để cho vay là 964.900.000 đồng, L thu được số tiền lãi là 66.085.000 đồng. Trong đó, số tiền thu lợi bất chính là 54.028.000 đồng.

Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Lục Nhất L đã xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các hoạt động tín dụng, kinh doanh tiền tệ, xâm phạm lợi ích của công dân. Lợi dụng nhu cầu vay tiền để giải quyết các nhu cầu cấp bách phục vụ đời sống của người khác nhưng những người này lại không có đủ điều kiện vay tiền của các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng của Nhà nước để cho vay với mức lãi suất vượt gấp nhiều lần quy định, thu lợi bất chính số tiền rất lớn. Khi thực hiện hành vi phạm tội, Lục Nhất L có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ, mục đích phạm tội là nhằm thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng. Hành vi đó của bị cáo Lục Nhất L đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Lục Nhất L về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lục Nhất L mặc dù không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tội phạm bị cáo đã thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng, mặc dù bị cáo cho rất nhiều người vay với nhiều lượt cho vay nhưng số tiền thu lợi bất chính từng lần cho vay không có lần nào đến 30.000.000 đồng mà tổng số tiền thu lợi bất chính của tất cả các lần cho vay mới trên 30.000.000 đồng nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên giảm một phần hình phạt cho bị cáo, xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ mà chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo cũng bảo đảm tác dụng răn đe và giáo dục. Kiểm sát viên đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo không giam

giữ và phạt bổ sung là phạt tiền, Hội đồng xét xử thấy việc áp dụng phạt tiền là hình phạt chính là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và quy định của pháp luật nên không chấp nhận theo đề nghị.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”. Hội đồng xét xử đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không tiếp tục áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, bị cáo không có chức vụ, nghề nghiệp kinh doanh cấm đồ cũng chỉ để mưu sinh nuôi bản thân và gia đình nên không áp dụng một trong các hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề, cấm làm công việc nhất định đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với khoản tiền là phương tiện phạm tội và tiền thu lợi bất chính: Khoản tiền gốc cho vay là 964.900.000 đồng và khoản tiền lãi tương ứng với 20%/năm theo quy định là 12.057.000 đồng, đây tiền phát sinh từ hoạt động tội phạm nên cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội là 54.028.000 đồng, ngoài NLQ42 yêu cầu được trả lại, những người còn lại không có yêu cầu. Hội đồng xét xử thấy việc những người vay tiền không yêu cầu L trả lại số tiền thu lợi bất chính là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên chấp nhận sự tự nguyện từ chối quyền lợi này.

Đối với các vật chứng khác: 01 (một) điện thoại di động Iphone màu vàng trắng dùng vào việc phạm tội cần tịch thu phát mại lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước.

[6] Về án phí: Bị cáo Lục Nhất L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lục Nhất L** phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lục Nhất L 100.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Truy thu đối với Lục Nhất L số tiền 976.957.000 đồng là công cụ, phương tiện phạm tội nộp vào ngân sách Nhà nước.

Buộc Lục Nhất L trả lại cho NLQ42, trú tại xóm L, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng số tiền 1.912.000 đồng.

Tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động Iphone màu vàng trắng, máy đã qua sử dụng bị vỡ nát mặt kính sau. Máy bật không lên nguồn, không kiểm tra chi tiết bên trong.

Xác nhận vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số 37 ngày 30 tháng 11 năm 2021.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lục Nhất L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Lục Nhất L có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần Bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần Bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan điều tra;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THADS tỉnh CB;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mã Văn Quân